

Số: /BC-UBND

Trà Giáp, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả chuyển đổi số năm 2025 và đề xuất kế hoạch chuyển đổi số năm 2026

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NỔI BẬT MANG LẠI HIỆU QUẢ THIẾT THỰC CHO ĐỊA PHƯƠNG.

Theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, xã Trà Giáp đã đạt được nhiều kết quả bước đầu khá tích cực. Một số kết quả chính:

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được trang bị máy vi tính làm việc. 100% máy vi tính có kết nối Internet. Hệ thống hạ tầng mạng Internet kết nối thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. UBND xã trang bị phòng họp trực tuyến tiếp nhận đường truyền trực tuyến của UBND thành phố và các sở, ban, ngành của thành phố; thiết bị hoạt động tốt.

- Phần mềm được sử dụng trong hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Công định vụ công trực tuyến; phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thành phố; các phần mềm chuyên ngành khác. Tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi qua thực hiện liên thông văn bản của thành phố đạt 100% (trừ các văn bản mật). Tài khoản Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; tài khoản email công vụ @danang.gov.vn, chữ ký số đã được đề nghị cấp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và 100% cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND xã để xử lý, trao đổi gửi các tài liệu, thông tin, các văn bản.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
I	Chính quyền số				
5	Tỷ lệ dịch vụ ngoài một cửa, nội bộ cung cấp mức 4 (toàn trình)	100%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	
6	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn		80%	Các sở, ban,	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
	toàn trực tuyến, toàn trình			ngành, phường, xã	
7	TTHC được cắt giảm thông qua kê thừa dữ liệu số	9,9%	20%	Văn phòng UBND thành phố, Các sở, ban, ngành, phường, xã	Không có
9	Tỷ lệ sử dụng biên lai/phiếu thu/ hoá đơn điện tử khi thu phí dịch vụ công		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Triển khai thực hiện đạt 100%
10	Dịch vụ cấp lại, cấp đổi được thực hiện ngay trong ngày (đối với các thủ tục không tiến hành xác minh thực tế)	9%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Chưa có
11	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	100% kết quả mới năm 2024 và 56% kết quả năm 2020-2022	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Số hóa 100%

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
12	Kết quả giải quyết TTHC (số) được sử dụng lại	05	15	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Chưa có
14	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến	100% cơ quan, địa phương	100% cơ quan, địa phương	Các sở, ban, ngành, phường, xã	100%
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở	90%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Cung cấp trên Cổng dữ liệu thành phố tại địa chỉ congdlieu.vn
16	Sử dụng eform trong khảo sát, thống kê, thu thập thông tin		90%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	100%
17	Công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đạt
18	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương kết nối với EMC	100%	100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Đạt
19	Tỷ lệ cơ quan, địa phương sử dụng Nền tảng hỗ	100%	100%	Các sở, ban, ngành,	Chưa triển khai

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
	trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ			phường, xã	
22	Áp dụng mã QR trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định		30%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính qua mã QR
23	Các chỉ tiêu thống kê của các sở, ngành, địa phương, được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số		100%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	100%
24	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		50%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Chưa thực hiện
25	Hoàn thành cơ bản chính quyền số tại 01 quận/huyện và 10 phường/xã tại 07 quận/huyện		01 quận/huyện và 10 phường/xã tại 07 quận/huyện	UBND các phường, xã	(Sẽ tiếp tục triển khai sau khi có hướng dẫn mới của Bộ KH&CN)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
III	Xã hội số				
1	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh	~100%	100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	70%
2	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	86,3%	95%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	80%
3	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh		100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	80%
4	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	98,8%	99%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	20%
5	Phủ sóng dịch vụ 5G	26%	50%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Chưa có
11	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		50%	Các sở, ban, ngành, phường, xã	Chưa có

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2024	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện
12	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	~50%	100%	Sở KH&CN	Chưa có
13	Tỷ lệ chợ thanh toán không dùng tiền mặt	100%	100%	Các sở, ban, ngành liên quan, phường, xã	Không có chợ
14	Tỷ lệ tuyến phố kinh doanh không dùng tiền mặt	80%	100%	UBND các phường, xã	Không có
15	Tỷ lệ các trường THCS, THPT được tập huấn ít nhất 01 lần về chuyển đổi số, an toàn thông tin	60%	100%	Sở GD&ĐT, UBND các phường, xã	100%
16	Tỷ lệ các thôn, bản đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động	100%	100%	UBND các phường, xã, Sở KH&CN	Chưa đạt

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương.

a) Kết quả đạt được:

- UBND xã đã xây dựng và ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thường xuyên tuyên truyền chính quyền số cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn xã. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06 của Chính phủ và thực hiện Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử, lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp trên VNeID.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tổ Công nghệ số cộng đồng các thôn.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai ra quân tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ hướng dẫn người dân mở tài khoản dịch vụ công trực tuyến quốc gia và đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”..

b) Tồn tại, hạn chế: Khối lượng công việc lớn, thời gian dành cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương còn ít.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã đã ban hành Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/08/2025 về Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính và Chuyển đổi số xã Trà Giáp giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030; ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 05/10/2025 về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia và Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã; đã triển khai thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên cơ sở các chủ trương, kế hoạch của các cấp chính quyền; đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung liên quan nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhất yêu cầu đổi mới về khoa học và công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; các cơ chế liên quan đến khởi nghiệp sáng tạo; các hoạt động và mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;... giới thiệu và quảng bá hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhân các sự kiện lớn được tổ chức trên địa bàn huyện Bắc Trà My cũ và tham gia các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Công tác đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm; thường xuyên triển khai cho cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

b) Tồn tại, hạn chế: Nguồn lực còn hạn chế; trình độ về công nghệ thông tin của người dân còn thấp; địa hình đồi núi phức tạp; hạ tầng viễn thông chưa đảm bảo.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Hiện tại trên địa bàn xã đang sử dụng hạ tầng đường truyền mạng (VNPT và

Viettel) để thực hiện chỉ đạo, điều hành của UBND xã phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ Nhân dân và cán bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đi vào hoạt động ổn định. 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được trang bị máy tính để làm việc.

- UBND xã đã bố trí đầy đủ máy vi tính kèm theo máy scan, máy in, máy photocopy cho cán bộ, công chức và hệ thống mạng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo thông suốt, máy vi tính để hỗ trợ số hóa khi người dân đến thực hiện thủ tục hành chính; hệ thống thiết bị tra cứu thủ tục hành chính giúp người dân tra cứu thuận lợi khi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Đơn vị lắp đặt hệ thống đường truyền để phục vụ hoạt động Trung tâm và phục vụ người dân đến thực hiện các thủ tục. Nhìn chung, hạ tầng mạng cơ bản hoạt động thông suốt.

- Trong giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện giải quyết trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định. Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đạt 100%. Lãnh đạo thực hiện ký sổ kết quả giải quyết theo quy định. Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu, lưu trữ và thống kê điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng viễn thông, hạ tầng mạng chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Chỉ đạo, triển khai cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia học trực tuyến trên nền tảng MOOCS “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng trên địa bàn xã; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Thực hiện tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về phong trào “Bình dân học vụ số” theo Công văn số 01-CTr/BCĐTW ngày 28/02/2025 về Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 57 TW); về phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn theo Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo 57/TW; theo mục tiêu, Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản tại Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025; Kế hoạch số 12-KH/ĐU ngày 15/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

b) Tồn tại, hạn chế: Cán bộ, công chức, viên chức chưa được tham gia tập huấn chuyên sâu, chuyên đề về chuyển đổi số.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Cơ sở dữ liệu ngành: Các phòng, trung tâm đang khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu được hỗ trợ từ Chính phủ và thành phố.

- Đã thực hiện số hóa thủ tục hành chính theo quy định, tính đến nay, đã thực

hiện việc số hóa thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 100%. Việc chứng thực bản sao điện tử trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 100%.

b) Tồn tại, hạn chế:

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Thường xuyên chuyển tải thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo hướng dẫn của cơ quan chức năng, hướng dẫn cài đặt phần mềm quản lý phòng chống mã độc, virus máy vi tính.

- UBND xã đã phổ biến, quán triệt và triển khai các văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, UBND thành phố về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, trong đó tập trung nhất là: Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; các văn bản qd cad hướng dẫn của thành phố.

- Ban hành Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của UBND xã về ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu của Ủy ban nhân dân xã Trà Giáp.

b) Tồn tại, hạn chế: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa được đào tạo chuyên sâu, chưa được tập huấn về an toàn thông tin; hạ tầng chưa được trang bị đảm bảo yêu cầu.

7. Chính phủ số

Đánh giá các nội dung về cung cấp DVC trực tuyến; phát triển các nền tảng, ứng dụng phục vụ quản trị, điều hành nâng cao năng lực, quản trị, điều hành, năng lực thực thi; ứng dụng, triển khai trí tuệ nhân tạo, ...

a) Kết quả đạt được:

- Hồ sơ Thủ tục hành chính có phát sinh phí, lệ phí được thanh toán trực tuyến có phát sinh nhưng số lượng không nhiều. 100% cán bộ công chức và người hoạt động không chuyên trách tham dự tập huấn về chuyển đổi số do xã, tỉnh tổ chức.

- Đảm bảo cung cấp 100% các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ đề nghị trên dịch vụ công đã được giải quyết 100%, đảm bảo đúng tiến độ.

- Văn bản đi, đến được phát hành trên phần mềm số hóa, tiếp nhận và xử lý trên phần mềm tổng số văn bản đi đến của cơ quan đạt 100% (Trừ văn bản mật). Tổng số lượng văn bản đi của cơ quan được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm văn bản giấy/tổng số văn bản đi, đến của đơn vị đảm bảo.

- 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa

bản xã được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật);

- Tỷ lệ cán bộ, công chức và người lao động truy cập, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành đạt 100%. Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng email công vụ để trao đổi công việc đạt 100%.

- Trang thông tin điện tử huyện đảm bảo theo yêu cầu tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. Trang thông tin điện tử xã đã được tạo nhiều chuyên mục, cập nhật tin, bài sau các sự kiện trên địa bàn xã. UBND xã đã thành lập Ban biên tập và Quy chế hoạt động Trang thông tin điện tử của xã, công khai địa chỉ Trang thông tin điện tử, khuyến khích cán bộ, công chức, cộng tác viên viết tin, bài... để đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã và các nền tảng mạng xã hội khác.

- Hiện Trung tâm Phục vụ hành chính công đang sử dụng 04 bộ máy tính xách tay, 01 máy scan, 01 máy photocopy và 01 máy in để phục vụ người dân thực hiện các thủ tục hành chính; 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính có kết nối đường truyền Internet băng rộng, có hệ thống truy cập Internet phục vụ cho thông tin trao đổi, điều hành và tổ chức điểm cầu hội nghị trực tuyến.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng viễn thông chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhiều khu vực chưa có điện, internet băng thông rộng. Trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa đồng đều. Hệ thống Quản lý văn bản điều hành và dịch vụ công trực tuyến đôi lúc xảy ra lỗi làm ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục hành chính và hồ sơ công việc.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Triển khai khuyến khích thực hiện không dùng tiền mặt tại các điểm kinh doanh, buôn bán lẻ trên địa bàn xã và chi trả lương cho cán bộ, công chức, chế độ chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, đóng tiền điện nước, thu nộp học phí qua ngân hàng điện tử. Ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, ứng dụng chữ ký số. Hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thực hiện chính quyền số tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Khuyến khích người dân ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, tiếp cận ngân hàng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, áp dụng chuyển đổi số trong thanh toán lệ phí thủ tục hành chính trực tuyến, ứng dụng thanh toán trực tuyến trên ví điện tử và tài khoản ngân hàng. Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, hướng dẫn, phổ biến người dân sử dụng các dịch vụ, thực hiện nộp hồ sơ, thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn. Hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng công nghệ số như: VNEID, VSSID, Danang Smart City,... Phối hợp với các điểm Bưu điện đẩy mạnh việc hướng dẫn, tuyên truyền người dân trong việc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích. Thiết lập kênh hướng dẫn, thông tin tuyên truyền trên mạng xã hội Zalo OA, các nền tảng xã hội.

b) Tồn tại, hạn chế: Quy mô kinh tế trên địa bàn xã còn nhỏ lẻ; trình độ dân trí về chuyển đổi số còn hạn chế nên hiệu quả chưa cao.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Đã thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân biết về Ngày Chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng viễn thông còn hạn chế, nên hiệu quả triển khai chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Chưa triển khai; đang liên hệ với các địa phương để học tập, trao đổi, phát triển.

b) Tồn tại, hạn chế: Số lượng cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc chung theo định biên của thành phố (hầu hết cán bộ, công chức kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ ở nhiều lĩnh vực khác nhau) nên thời gian dành cho đầu tư, nghiên cứu còn hạn chế.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia 10/10/2025, UBND xã đã chỉ đạo các Tổ CNSCĐ hỗ trợ người dân thực hiện 5 kỹ năng số cơ bản, chỉ đạo Phòng Kinh tế triển khai hỗ trợ làm sạch dữ liệu đất đai đến từng thôn, hộ dân trên địa bàn xã cho người dân.

Triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, thành viên tổ CNSCĐ tham gia vào nhóm Zalo OA để kịp thời tiếp cận với các thông tin mới nhất về chuyển đổi số, tổ công nghệ số cộng đồng, chia sẻ các kiến thức, những câu chuyện, sáng kiến, mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số, hỗ trợ tra cứu các văn bản, tài liệu hướng dẫn, trợ lý ảo...

b) Tồn tại, hạn chế:

- Trình độ công nghệ số của người dân chưa đồng đều. Việc hướng dẫn triển khai đưa công nghệ số, kỹ năng số đến với từng người dân của Tổ CNSCĐ chưa được phát huy, triển khai rộng rãi.

- Việc tiếp cận, sử dụng với các nền tảng công nghệ số, các kênh Chuyển đổi số của người dân còn nhiều hạn chế

10. Kinh phí thực hiện

Nêu tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2025

UBND xã đã được UBND thành phố cấp kinh phí tại Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt dự toán và bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng LAN cho UBND các xã, phường. UBND xã đã giao Phòng Văn hóa – Xã hội (Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 21/10/2025) triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng LAN; hiện nay đang trong giai đoạn thi công lắp đặt.

11. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị

a) Khó khăn, vướng mắc:

- Việc tạo tài khoản cho công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán trực tuyến và nộp hồ sơ trực tuyến gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là người dân chưa có tài khoản DVCQG và sử dụng dịch vụ cần có kiến thức công nghệ thông tin, trong khi đó trình độ dân trí chưa đồng đều; nhiều người cao tuổi, người có điều kiện kinh tế khó khăn không có điện thoại thông minh nên chưa tiếp cận được môi trường công nghệ thông tin.

b) Đề xuất, kiến nghị:

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức phụ trách công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh thông tin, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp, tổ công nghệ số cộng đồng và tập huấn kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho người dân.

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;

- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Duy trì triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, và xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành của xã; phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng dữ liệu số; nâng cao chất lượng dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Phát triển và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn xã nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc gắn liền với cải cách hành chính.

- Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hoạt động của cơ quan Nhà nước, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng nhu cầu thực tế nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau trên địa bàn xã.

- Giảm dần số lần đi lại của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đến cơ quan Nhà nước để thực hiện các thủ tục hành chính đối với một đầu công việc.

- Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền người dân và doanh nghiệp tham gia Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tập trung xây dựng nâng cấp cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, các nền tảng số, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu, kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung tạo nền tảng phát triển chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã.

- Hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, duy trì và phát huy Phong trào “Bình dân học vụ số”, các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia ngày 10/10 trên địa bàn xã...

- Tiếp tục hướng dẫn người dân tham gia học tập trên môi trường số.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- Đảm bảo trang bị máy tính trong cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thuộc các cơ quan, đơn vị xã đạt tỷ lệ 01 máy/người, 100% máy tính được kết nối Internet và mạng LAN.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử công vụ thường xuyên trong công việc tại địa chỉ <http://mail.danang.gov.vn>.

- 100% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị xã bằng văn bản điện tử. Tỷ lệ văn bản đi được ký số đạt 100% (trừ văn bản mật).

- 100% các cơ quan, đơn vị chuyên môn sử dụng Hệ thống quản lý văn bản điều

hành; luân chuyển, xử lý văn bản đến từng cán bộ, công chức, viên chức.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hàng năm tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- Phấn đấu 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Phấn đấu 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Chuẩn bị điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nhân lực để phục vụ triển khai dự án CSDL quốc gia về dân cư, đảm bảo đưa vào vận hành theo tiến độ chung của thành phố.

- Phấn đấu phủ sóng mạng di động và mạng Internet cáp quang đến 100% địa bàn có dân cư toàn xã; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh đạt trên 70%; tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet băng rộng đạt trên 50%.

- 100% hồ sơ, thủ tục hành chính một phần và toàn phần giải quyết theo hình thức trực tuyến.

- Đẩy mạnh hoạt động của Trang Thông tin điện tử xã đảm bảo theo yêu cầu tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

- 100% các hệ thống thông tin trọng yếu của xã được trang bị các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng.

b) Kinh tế số: Phấn đấu 50% sản phẩm hàng hoá đặc trưng trên địa bàn xã được công nhận sản phẩm OCOP được giới thiệu trên các nền tảng thương mại điện tử; 50% các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chuyển đổi số. Hình thành một số mô hình công nghệ số, đổi mới sáng tạo.

c) Xã hội số

- 100% các thôn, khu vực đang lǝm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; phấn đấu 70% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt trên 70%.

- 100% đoàn viên, thanh niên sử dụng các dịch vụ xã hội số (y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thanh toán điện tử,...); tích cực tham gia tuyên truyền, hỗ trợ, đảm bảo tối thiểu 50% người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chính quyền số, xã hội số, tham gia phát triển kinh tế số. Vận động đoàn viên, thanh niên tham gia các phong trào thi đua phát huy sáng kiến chuyển đổi số cấp cơ sở.

- Phấn đấu đến năm 2030 trung bình mỗi người dân có 01 định danh số. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 50%; phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh

mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội số.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

1. Duy trì triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, và xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2025.

2. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tập trung xây dựng nâng cấp cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, các nền tảng số, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu, kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung tạo nền tảng phát triển chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.
- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

3. Hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, như tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số”, các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia ngày 10/10 trên địa bàn xã...

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 10/2025.

4. Tiếp tục hướng dẫn người dân tham gia học tập trên môi trường số.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.
- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

2. Thể chế, chính sách số

- Triển khai thực hiện các quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu CQNN phải số hóa theo lộ trình; khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng quy định về đảm bảo ATTT, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn xã.

- Xây dựng và ban hành các quy định về quản trị, giám sát và vận hành hệ thống CNTT cho Hệ thống thông tin Chính quyền số.

- Vận doanh nghiệp đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng CNTT trên địa bàn xã.

3. Hạ tầng số

- Duy trì có hiệu quả hệ thống phòng họp trực tuyến và đầu tư mua sắm trang thiết bị đảm bảo kết nối thông suốt nhằm đáp ứng nhu cầu họp trực tuyến từ tỉnh đến xã.

- Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động trên toàn xã; triển khai các nhiệm vụ giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh cho người dân trên địa bàn xã.

4. Nhân lực số

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ mở các lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng ứng dụng CNTT triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số, khai thác, sử dụng các HTTT, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần... cho CBCCVC trên địa bàn xã.

- Cử cán bộ chuyên trách tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về CNTT, đáp ứng yêu cầu làm chủ công nghệ và khai thác hiệu quả hạ tầng CNTT. Quan tâm đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ công chức, viên chức phụ trách về CNTT.

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Xây dựng, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên môn về các xu hướng công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm về chuyển đổi số và các sản phẩm số, dịch vụ số để cải tiến, nâng cao chất lượng các kết quả của hoạt động chuyển đổi số tại xã.

5. Phát triển dữ liệu số

- Thực hiện số hóa thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định.

- Trang TTĐT được cập nhật, đăng tải đầy đủ dịch vụ công trực tuyến; công tác sao lưu đảm bảo an toàn dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ: Xây dựng và đề nghị thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin về hệ thống mạng LAN, thực hiện đầu tư các hạng mục đảm bảo với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nâng cao nhận thức bảo đảm an toàn thông tin mạng: Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng: Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

- Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin: Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

7. Chính phủ số

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho CBCCVN và người lao động trong CQNN.

- Duy trì khai thác hệ thống Quản lý văn bản và điều hành để theo dõi, giám sát, chỉ đạo, tổng hợp, đôn đốc các nhiệm vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn xã.

- Duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống Hội trực tuyến đã được lắp đặt tại UBND xã đảm bảo liên thông các cuộc họp trực tuyến từ trung ương đến xã.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng hệ thống văn bản và điều hành, ký số văn bản điện tử tại các cơ quan Nhà nước của xã đáp ứng nhu cầu gửi, nhận văn bản điện tử, đảm bảo giá trị pháp lý trong giao dịch điện tử, đảm bảo bí mật Nhà nước.

- Tiếp tục ứng dụng và sử dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nội bộ như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm đăng ký kinh doanh, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm hộ tịch...

- Khai thác sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu và đáp ứng lộ trình triển khai Chính phủ điện tử.

- Nâng cao tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính tiếp nhận, xử lý, giải quyết trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm phục vụ hành chính công; đảm bảo các hồ sơ, thủ tục hành chính sẽ được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, hạn chế khâu trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính một phần và toàn phần được tiếp nhận theo hình thức trực tuyến.

- Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt và thu phí, lệ phí qua hóa đơn điện tử tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Hướng dẫn công dân và doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trang Thông tin điện tử xã đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Đảm bảo Trang Thông tin điện tử luôn được cập nhật, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác quản lý và điều hành của chính quyền các cấp; phục vụ người dân và doanh nghiệp.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Kinh tế số

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua các phương tiện truyền thông, Trang Thông tin điện tử xã về công tác triển khai chuyển đổi số. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.

- Thu hút, thúc đẩy và hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất, kinh doanh; ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân; phát triển mạng lưới tư vấn chuyển đổi số, kinh tế số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ có kiến thức và công cụ phân tích dữ liệu và tính toán phù hợp với năng lực doanh nghiệp trong quản lý sản xuất, quản lý quan hệ khách hàng, quản lý tài chính, tiêu thụ sản phẩm...

- Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm các TTHC, giảm thời gian thực hiện TTHC, đưa tất cả các DVCTT lên mức toàn trình, minh bạch từng công đoạn của thủ tục,... để hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp.

- Lồng ghép, đưa mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số vào các quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kết nối, chia sẻ, quảng bá trực tuyến các hàng hóa, thương hiệu kinh doanh chủ lực của địa phương.

- Hướng dẫn các hộ kinh doanh bán lẻ trên địa bàn huyện ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số không ai bị bỏ lại phía sau.

- Xây dựng kế hoạch, tổng rà soát và triển khai phương án đảm bảo 100% hệ thống cáp quang được phủ khắp, ở những nơi thuận lợi kéo đến thôn.

- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn xã. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của CBCCVC và người lao động trong CQNN. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội.

- Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở tại các nền tảng bình dân học vụ số, giới thiệu cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

- Thực hiện chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số chia theo nhóm các đối tượng, trước tiên tập trung vào các đồng chí tổ trưởng các thôn để lan tỏa tới người dân tại thôn mình quản lý.

- Triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến, tập huấn các kỹ năng số cơ bản cho người dân như kỹ năng truy cập và sử dụng internet, thư điện tử, mua

bán trực tuyến và cách thức bảo đảm ATTT cá nhân,...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp về vai trò và tính cấp thiết của chuyển đổi số; tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số; ban hành và triển khai kế hoạch gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành, lĩnh vực, địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của CBCCV, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số.

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, CBCCV trong tham gia đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về chuyển đổi số, nhất là vai trò xung kích, tình nguyện đi đầu của lực lượng thanh niên, tổ công nghệ số cộng đồng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các CQNN và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội các ngành khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.

- Phát huy vai trò tiên phong trong chuyển đổi số của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; phải là những người đầu tiên, tích cực nhất giúp chuyển đổi số đi vào đời sống ở địa phương, thực hiện hóa mục tiêu của xã.

- Tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo; nâng cao năng lực chuyên môn của tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ CBCCV; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số cho đội ngũ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT, ATTT.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của xã.

10. Hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án cụ thể, trong đó với cần xác định rõ kết quả dự kiến đạt được, hiệu quả đem lại; thời hạn hoàn thành; đơn vị triển khai; nguồn kinh phí thực hiện;...

TT	Tên chương trình, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hiệu quả, kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Kinh phí thực hiện	Nguồn vốn (Đầu tư, Sự nghiệp, Khác,)
1	Wifi cộng cộng	Phòng Văn hóa – Xã hội	Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đảm bảo phục vụ “Bình dân học vụ số”; thời gian ccds, hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia	2026	500 triệu đồng	Sự nghiệp

Trên đây là nội dung Báo cáo Kết quả chuyển đổi số năm 2025 và đề xuất kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của UBND xã Trà Giáp. Kính báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Sở KHCN thành phố Đà Nẵng;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- LĐ UBND xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, P.VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Văn Nam